

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY NGUYÊN

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THẠC SĨ
NGÀNH: LÂM HỌC**

(silviculture)

Mã số: 8620201

Đắk Lắk, năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số/QĐ-ĐHTN ngày ... tháng ... năm 20 ... của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên)

Tên chương trình: Lâm học

Trình độ đào tạo: Thạc sĩ

Ngành đào tạo: Lâm học. Mã ngành: 8620201

Hình thức đào tạo: Tập trung

Tên gọi văn bằng: Thạc sĩ Lâm học

Thời gian đào tạo: 02 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo Thạc sĩ Lâm học theo định hướng ứng dụng giúp cho người học có khả năng quản lý, nghiên cứu phát triển bền vững tài nguyên rừng, gắn với phát triển kinh tế xã hội vùng nông thôn. Có phẩm chất đạo đức tốt, có khả năng cộng tác cao trong công việc. Ngoài ra, người học có thể học bổ sung một số kiến thức theo yêu cầu của ngành đào tạo trình độ tiến sĩ để tiếp tục tham gia chương trình đào tạo tiến sĩ.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về kiến thức

Chương trình đào tạo ngành Lâm học, trình độ thạc sĩ trang bị cho người học:

M1. Giáo dục những vấn đề cơ bản của Triết học gắn với thực tiễn.

M2. Các kiến thức tiên tiến về hệ sinh thái và môi trường rừng, chức năng sinh thái của rừng, Dịch vụ sinh thái/môi trường rừng, phát triển rừng bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu.

M3. Các kiến thức chuyên sâu để xây dựng và thực hiện, giám sát và đánh giá các đề án nghiên cứu, dự án phát triển lâm nghiệp, quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng chú trọng đến các giá trị cảnh quan, môi trường rừng.

M4. Các kiến thức liên ngành để phân tích chính sách, hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp để quản trị rừng và phát triển sinh kế cộng đồng gắn với rừng.

M5. Các kiến thức chung về lâm nghiệp để giảng dạy, phổ cập kiến thức lâm nghiệp, quản lý rừng bền vững.

1.2.2. Về kỹ năng, thái độ, đạo đức nghề nghiệp

Chương trình đào tạo ngành Lâm học, trình độ thạc sĩ rèn luyện cho người học:

M6. Người học có năng lực tiếng Anh tương đương bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Hiểu và sử dụng được tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực chuyên môn.

M7. Kỹ năng phát hiện được các giá trị của tài nguyên rừng phục vụ phát triển sản xuất lâm nghiệp. Có quan điểm quản lý bảo vệ, bảo tồn và sử dụng các giá trị nhiều mặt của hệ sinh thái rừng.

M8. Kỹ năng phát hiện, đề xuất, xây dựng, thực hiện, quản lý các nghiên cứu, các dự án đa ngành phục vụ thực tiễn nông lâm nghiệp tại địa phương; giám sát và đánh giá các đề án nghiên cứu, dự án phát triển lâm nghiệp, quản lý và bảo tồn tài nguyên rừng chú trọng đến các giá trị cảnh quan, môi trường rừng; phát triển các dịch vụ sinh thái môi trường rừng.

M9. Tiếp cận, cập nhật kiến thức phù hợp với xu thế phát triển lâm nghiệp trong nước và trên thế giới, các vấn đề mới về chuyên môn, chính sách liên quan, phục vụ cho công tác đào tạo, nghiên cứu, tổ chức sản xuất lâm nghiệp theo hướng bền vững. Phân tích chính sách, hiệu quả kinh tế trong lâm nghiệp để đề xuất, góp ý bổ sung, điều chỉnh chính sách cho phù hợp thực tiễn để quản trị rừng và phát triển sinh kế cộng đồng gắn với rừng.

M10. Ứng dụng CNTT, kỹ thuật cao, bố trí thí nghiệm, thu thập dữ liệu, phân tích thống kê, sử dụng thiết bị máy móc trong lĩnh vực chuyên môn. Tích hợp ứng dụng kỹ thuật lâm học trong sản xuất nông lâm nghiệp trên quan điểm cảnh quan.

M11. Định hướng, lập kế hoạch và tổ chức chỉ đạo, thực hiện, giám sát các hoạt động lâm sinh, bảo tồn, phát triển tài nguyên rừng ở đơn vị công tác. Đề xuất các giải pháp để quản lý tài nguyên rừng, các chức năng, dịch vụ sinh thái môi trường rừng và thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

M12. Nhạy bén trong tư duy sáng tạo và khả năng độc lập trong xử lý công việc chuyên môn về lâm nghiệp. Tự chủ, tự chịu trách nhiệm về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ lâm nghiệp ở vị trí công việc đảm nhiệm.

1.2.3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

- Các tổ chức, cơ quan quản lý nhà nước về nông lâm nghiệp.
- Các cơ quan, đơn vị sản xuất; các chương trình, dự án phát triển; các tổ chức Chính phủ, phi Chính phủ về hỗ trợ phát triển lâm nghiệp.
- Các cơ sở đào tạo và nghiên cứu tài nguyên và sinh thái môi trường rừng.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

C1. Nâng cao nhận thức và vận dụng được những nội dung cơ bản của triết học vào hoạt động thực tiễn.

C2. Vận dụng được kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội để giải quyết các yêu cầu công việc.

C3. Kiến thức về hệ sinh thái và môi trường rừng, chức năng sinh thái của rừng, Dịch vụ sinh thái/môi trường rừng, quản lý, phát triển rừng bền vững.

C4. Kiến thức hệ thống về kỹ thuật và công nghệ trong quản lý tài nguyên, dịch vụ sinh thái môi trường rừng bền vững và thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

C5. Kiến thức về luật, chính sách liên quan đến môi trường rừng để tổ chức quản lý rừng trong thực tiễn.

2.2. Kỹ năng

C6. Có trình độ tiếng Anh bậc 3 theo Khung năng lực Ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. Hiểu và sử dụng tốt tiếng Anh chuyên ngành trong lĩnh vực chuyên môn.

C7. Vận dụng công nghệ trong giám sát, dự báo tài nguyên, môi trường trong điều tra giám sát tài nguyên, môi trường rừng, đa dạng sinh học; công nghệ viễn thám, GIS; xử lý số liệu thông kê tài nguyên môi trường...

C8. Tham gia phân tích, xây dựng và thực hiện các phương án, dự án bảo tồn, quản lý tài nguyên rừng và các chức năng, Dịch vụ sinh thái/môi trường rừng.

C9. Đề xuất các giải pháp để quản lý tài nguyên rừng, các chức năng, dịch vụ sinh thái môi trường rừng và thích ứng, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

C10. Vận dụng và sáng tạo trong truyền thông, thúc đẩy nhằm tạo sự hợp tác, liên kết với các bên liên quan và đặc biệt là các cộng đồng trong hoạt động quản lý tài nguyên rừng.

2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C11. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. Sẵn sàng làm việc ở các vùng xa xôi, các điều kiện khó khăn. Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ chuyên môn ngành lâm nghiệp.

C12. Chủ động trong đánh giá tình huống, biết lắng nghe và có thái độ hòa nhã khi tiếp cận cộng đồng, tích cực trong truyền thông cộng đồng về sử dụng bền vững các sản phẩm, dịch vụ từ rừng.

C13. Có khả năng làm việc độc lập, ứng dụng kiến thức chuyên môn đã học, áp dụng linh hoạt vào thực tiễn và tự cập nhật kiến thức theo thực tế quản lý, bảo tồn tài nguyên rừng của địa phương, quốc gia và quốc tế. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và bảo vệ được quan điểm cá nhân.

C14. Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực để thực hiện, giám sát, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn ngành lâm nghiệp.

3. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
M1	x													
M2		x	x											
M3		x	x	x										
M4		x			x									
M5		x	x	x	x									
M6						x								
M7			x	x	x		x	x	x					
M8							x	x	x	x				
M9		x	x	x	x		x	x	x	x				
M10							x	x						
M11							x	x	x		x	x		x
M12									x			x	x	x

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

- Tổng số tín chỉ: 60 TC
- Kiến thức chung: 09 TC
 - + Triết học: 03 TC
 - + Tiếng Anh: 06 TC
- Kiến thức cơ sở: 14 TC
 - + Bắt buộc: 10 TC
 - + Tự chọn: 04 TC
- Kiến thức chuyên ngành: 27 TC
 - + Bắt buộc: 18 TC
 - + Tự chọn: 09 TC
- Luận văn tốt nghiệp: 10 TC

5. Đối tượng tuyển sinh và phương thức tuyển sinh

5.1. Đối tượng tuyển sinh

Sinh viên sau khi tốt nghiệp đại học các ngành đúng, ngành gần hoặc ngành phù hợp của các cơ sở giáo dục đại học.

Yêu cầu về thời gian công tác, xếp hạng tốt nghiệp được chuyển thẳng căn cứ theo Hướng dẫn tuyển sinh Sau Đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.2. Phương thức tuyển sinh

- Thi tuyển, tổ chức mỗi năm một hoặc hai lần tùy theo điều kiện, vào tháng 4 và tháng 10 hàng năm.

- Các môn thi tuyển:

+ Ngoại ngữ: Tiếng Anh.

+ Môn cơ bản: Sinh thái rừng + kỹ thuật lâm sinh.

+ Môn cơ sở: Trồng rừng.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Lâm học được xây dựng trên cơ sở Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số: 15/2014/TT-BGD&ĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; căn cứ vào nhu cầu và thực tiễn quản lý lâm nghiệp trong nước và trên cơ sở tham khảo các chương trình của các trường đại học trong và ngoài nước về đào tạo Cao học Lâm học.

Quy trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp được thực hiện theo Quyết định số 2603/QĐ-ĐHTN-ĐTSĐH ngày 26/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

7. Cách thức đánh giá

Cách thức đánh giá được áp dụng theo Quyết định số 2603/QĐ-ĐHTN-ĐTSĐH ngày 26/12/2014 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Nguyên về việc ban hành quy định đào tạo trình độ thạc sĩ và quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Nội dung chương trình

8.1. Kiến thức chung: 09 TC (Bắt buộc: 09 – Tự chọn: 0.0)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	LT	TH	BB	TC	Mã MH tiên quyết
1.	TR811001	Triết học	3	3	0	3	0	
2.	TA810099	Tiếng Anh	6	6	0	6	0	
Tổng cộng			9	9	9	9	0	

8.2. Kiến thức cơ sở: 14 TC (Bắt buộc: 10 – Tự chọn: 04)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	LT	TH	BB	TC	Mã MH tiên quyết
Học phần bắt buộc: 10TC								
3.	LH811005	Phương pháp viết luận văn và bài báo khoa học	2	1,5	0,5	2	0	
4.	LH811006	GIS và viễn thám trong lâm nghiệp	3	2	1	3	0	

5.	LH811007	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	3	2	1	3	0	
6.	LH811009	Sinh thái rừng nhiệt đới	2	1,5	0,5	2	0	
Học phần tự chọn: Chọn 04/10 TC								
7.	LH811003	Sinh thái môi trường	2	1,5	0,5	0	2	
8.	LH811004	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp	2	1,5	0,5	0	2	
9.	LH811008	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới	2	1,5	0,5	0	2	
10.	LH811010	Tiếng Anh trong lâm nghiệp	2	2	0	0	2	
11.	LH811011	Di truyền và giống trong lâm nghiệp	2	1,5	0,5	0	2	
Tổng Cộng			14			10	4	

8.3. Kiến thức chuyên ngành: 27TC (Bắt buộc: 18 – Tự chọn: 09)

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	LT	TH	BB	TC	Mã MH tiên quyết
Học phần bắt buộc: 18TC								
12.	LH812004	Đa dạng sinh học	2	1,5	0,5	2	0	
13.	LH812005	Nông lâm kết hợp	2	1,5	0,5	2	0	
14.	LH812006	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp	2	1,5	0,5	2	0	
15.	LH812007	Sản lượng rừng	2	1,5	0,5	2	0	
16.	LH812009	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ	2	1,5	0,5	2	0	
17.	LH812010	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	2	1,5	0,5	2	0	
18.	LH812011	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	2	1,5	0,5	2	0	
19.	LH812012	Quản lý bền vững rừng nhiệt đới	2	1,5	0,5	2	0	
20.	LH812023	Dịch vụ sinh thái / môi trường rừng	2	1,5	0,5	2	0	
Học phần tự chọn: chọn 09/14TC								
21.	LH812019	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2	1,5	0,5	0	4/6	
22.	LH812021	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp	2	1,5	0,5	0		
23.	LH812022	Rừng và sinh kế cộng đồng	2	1,5	0,5	0		
24.	LH812014	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp	2	1,5	0,5	0	5/8	
25.	LH812016	Cây xanh đô thị	2	1,5	0,5	0		
26.	LH812017	Phân tích chính sách lâm nghiệp	2	1,5	0,5	0		
27.	LH812018	Trồng rừng nhiệt đới	1	1	0	0		
28.	LH812020	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn	1	1	0	0		
Tổng cộng			27			18	9	

8.4. Luận văn tốt nghiệp: 10 TC

STT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	LT	TH	BB	TC	Mã MH tiên quyết
-----	-------	--------------	------------	----	----	----	----	------------------

29.	LH814999	Luận văn tốt nghiệp	10	0	10	10	0	
Tổng cộng			10			10	0	

9. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

Stt	Mã HP	Tên học phần	Tổng số TC	BB	TC
1.	TR811001	Triết học	3	3	
2.	TA810099	Tiếng Anh	6	6	
3.	LH811005	Phương pháp viết luận văn và bài báo khoa học	2	2	
4.	LH811003	Sinh thái môi trường	2		4
5.	LH811004	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp	2		
6.	LH811008	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới	2		
7.	LH811010	Tiếng Anh trong lâm nghiệp	2		
8.	LH811011	Di truyền và giống trong lâm nghiệp	2		
Tổng số học kỳ 1			15	11	4
1.	LH811006	GIS và viễn thám trong lâm nghiệp	3	3	
2.	LH811007	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	3	3	
3.	LH811009	Sinh thái rừng nhiệt đới	2	2	
4.	LH812004	Đa dạng sinh học	2	2	
5.	LH812005	Nông lâm kết hợp	2	2	
6.	LH812006	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp	2	2	
7.	LH812007	Sản lượng rừng	2	2	
8.	LH812009	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ	2	2	
Tổng số học kỳ 2			18	18	0
1.	LH812010	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	2	2	
2.	LH812011	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	2	2	
3.	LH812012	Quản lý bền vững rừng nhiệt đới	2	2	
4.	LH812023	Dịch vụ sinh thái / môi trường rừng	2	2	
5.	LH812019	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	2	0	4/6
6.	LH812021	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp	2		
7.	LH812022	Rừng và sinh kế cộng đồng	2		
8.	LH812014	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp	2	0	5/8
9.	LH812016	Cây xanh đô thị	2		
10.	LH812017	Phân tích chính sách lâm nghiệp	2		
11.	LH812018	Trồng rừng nhiệt đới	1		
12.	LH812020	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn	1		
Tổng số học kỳ 3			17	8	9
1.	LH814999	Luận văn tốt nghiệp	10	10	0
Tổng số học kỳ 4			10	10	0

10. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
1.	Triết học	3	2								1	1	2	2	2
2.	Tiếng Anh						3				1	1	1	1	2
3.	Phương pháp viết luận văn và bài báo khoa học		2	1	1	1		1		1		1		3	3
4.	Sinh thái môi trường		2	3	3			1	1	2		1	1	1	
5.	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp				2			2		1		1		1	
6.	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới			2	2			1	1	2		1	1	1	
7.	Tiếng Anh trong lâm nghiệp						3				1	1	1	1	2
8.	Di truyền và giống trong lâm nghiệp		2		1			1				1		1	
9.	GIS và viễn thám trong lâm nghiệp		1		3		3	3	1	2		1		2	2
10.	Tin học thống kê trong lâm nghiệp		1	1	3			3	2	2		1		2	
11.	Sinh thái rừng nhiệt đới		1	3	2			1	2	3		1	1	2	
12.	Đa dạng sinh học		1	2	2			1	3	3		1	1	2	
13.	Nông lâm kết hợp		1	2	2			1	2	2	1	1	1	2	
14.	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp		1	3	2	1		1	2	2		1	1	2	
15.	Sản lượng rừng		1	1	3			3	2	1		1		2	2
16.	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ		1	2	2	1		1	2	2	1	1	1	2	
17.	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp		1	1	2	3		1	1		2	1	2	2	3
18.	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới		1	3	2	2		1	2	3		1	1	2	
19.	Quản lý bền vững rừng nhiệt đới		1	3	2	2		1	3	3	1	1	2	2	2

TT	Tên học phần	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo													
		C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C13	C14
20.	Dịch vụ sinh thái / môi trường rừng		1	3	2	3		1	2	3	2	1	3	2	
21.	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp		1	1	2	3		1	2	2	1	1	3	2	
22.	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp		1	1	1	2		1	1	1	2	1	2	2	2
23.	Rừng và sinh kế cộng đồng		1	2	2	2		1	1		3	1	3	2	
24.	Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp		1	3	2	2		1	1	1	3	1	1	2	
25.	Cây xanh đô thị		1	3	1	1		1	1	1		1	1	2	
26.	Phân tích chính sách lâm nghiệp	1	1	1	1	3		1	1		2	1	2	2	
27.	Trồng rừng nhiệt đới		1	3	2	2		1	2	1		1	2	2	
28.	Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn		1	3	2	2		1	2	2		1	1	2	
29.	Luận văn tốt nghiệp		3	3	3	2	3	2	2	1	1	1	1	3	2

Ghi chú: Mức độ đóng góp của các học phần với chuẩn đầu ra được mã hóa như sau:

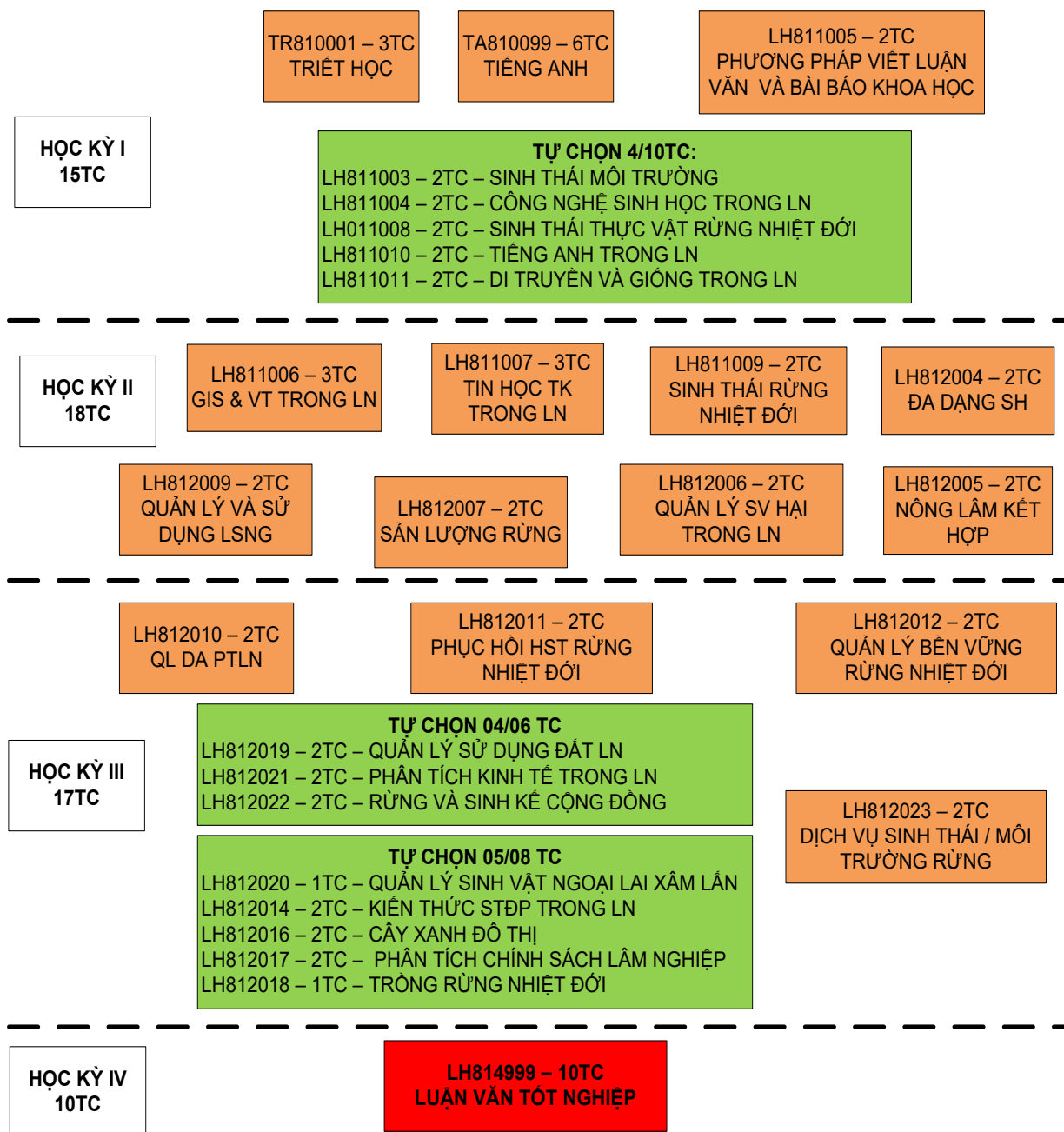
1 = đóng góp mức thấp

2 = đóng góp mức trung bình

3 = đóng góp mức cao

Đề trống = không đóng góp.

11. Tiến trình đào tạo



12. Cơ sở vật chất

12.1. Phòng học, thực hành và các loại thiết bị, máy móc hiện có:

Sử dụng các phòng thí nghiệm hiện có của các khoa Nông Lâm, Khoa học tự nhiên và công nghệ, Viện Công nghệ sinh học và môi trường... trong trường. Tổng diện tích đất của trường 273.708m², diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường 49.646m². Có các phòng thí nghiệm, thực hành phục vụ cho đào tạo như sau:

TT	Tên loại	Đơn vị tính	Số lượng/ diện tích	Ghi chú
1	Phòng học lý thuyết:			
	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	Phòng	1/1095	
	Phòng học từ 100 chỗ đến 200 chỗ	Phòng	3/1114	
	Phòng học từ 50 chỗ đến 100 chỗ	Phòng	112/6889	
	Phòng học dưới 50 chỗ	Phòng	3/120	
2	Phòng máy vi tính	Phòng	16/874.9	
	Số lượng máy tính	Bộ	>800	
3	Phòng học đa năng/ngoại ngữ	Phòng	4/323.1	
4	Phòng học thực hành, thí nghiệm	Phòng	88	

12.2. Cơ sở thực hành, thực tập (Đơn vị tính: xưởng, vườn, trạm, trại, sân bãi...)

TT	Cơ sở thực hành, thực tập	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Khu nhà thí nghiệm khoa Nông lâm nghiệp	Cơ sở	1	
2	Viện Công nghệ Sinh học và Môi trường	Cơ sở	1	
3	Trung tâm ứng dụng và tư vấn kỹ thuật Nông Lâm nghiệp	Cơ sở	1	

12.3. Thư viện và học liệu (giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, phần mềm máy tính...)

TT	Khối ngành đào tạo	Số lượng
1	Khối ngành I	59.071
2	Khối ngành II	0
3	Khối ngành III	19.597
4	Khối ngành IV	4.915
5	Khối ngành V	19.781
6	Khối ngành VI	10.819
7	Khối ngành VII	19.799
8	Các môn chung	12.137

13. Danh sách giảng viên

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
1.	Đặng Nguyên Hà	1981	Tiến sĩ	Triết học	Triết học	Khoa Lý luận chính trị
2.	Trần Trung Dũng	1961	PGS.TS	Thổ nhưỡng	Sinh thái môi trường	Đại học Tây Nguyên
3.	Nguyễn Anh Dũng	1966	GS.TS	Sinh học	Công nghệ sinh học trong lâm nghiệp	Viện CNSH và môi trường
4.	Nguyễn Thị Thanh Hương	1967	PGS.TS	Quản lý tài nguyên rừng	Tiếng Anh trong lâm nghiệp	Khoa Nông Lâm nghiệp
					GIS và viễn thám trong lâm nghiệp	
					Quản lý bền vững rừng nhiệt đới	
5.	Nguyễn Văn Sanh	1961	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	Quản lý sử dụng đất lâm nghiệp	Khoa Nông Lâm nghiệp
6.	Cao Thị Lý	1967	Tiến sĩ	Lâm nghiệp	Đa dạng sinh học	Khoa Nông Lâm nghiệp
					Rừng và sinh kế cộng đồng	
7.	Võ Hùng	1963	Tiến sĩ	Lâm nghiệp	Dịch vụ sinh thái/môi trường rừng	Khoa Nông Lâm nghiệp
					Kiến thức sinh thái địa phương trong lâm nghiệp	
					Trồng rừng nhiệt đới	
8.	Đặng Thành Nhân	1965	Tiến sĩ	Lâm nghiệp	Nông lâm kết hợp	Khoa Nông Lâm nghiệp
9.	Nguyễn Thanh Tân	1968	Tiến sĩ	Điều tra rừng	Tin học thống kê trong lâm nghiệp	Đại học Tây Nguyên
					Sản lượng rừng	
10.	Dương Mộng Hùng (Mời)		PGS.TS	Lâm nghiệp	Di truyền và giống trong lâm nghiệp	Hội KHLN Việt Nam
11.	Võ Đại Hải (mời)	1964	GS.TS	Lâm nghiệp	Phục hồi hệ sinh thái rừng nhiệt đới	Viện KHLN Việt Nam
12.	Trần Lâm Đồng (Mời)		Tiến sĩ	Lâm nghiệp	Sinh thái thực vật rừng nhiệt đới	Viện KHLN Việt Nam
					Sinh thái rừng nhiệt đới	

TT	Họ và tên giảng viên	Năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Học phần giảng dạy	Đơn vị công tác
13.	Hoàng Văn Sâm (mời)	1977	GS.TS	Lâm nghiệp	Phương pháp viết luận văn và bài báo khoa học	Trường Đại học Lâm nghiệp Việt Nam
14.	Đặng Đình Bôi (mời)		PGS.TS.	Lâm nghiệp	Quản lý và sử dụng lâm sản ngoài gỗ	Liên hiệp các hội KHKT TPHCM
15.	Nguyễn Thị Hồng Mai (mời)	1973	Tiến sĩ	Kinh tế	Phân tích kinh tế trong lâm nghiệp	Trường Đại học Nông Lâm Huế
16.	Phạm Quang Thu (mời)	1955	GS.TS.	Lâm nghiệp	Quản lý sinh vật hại trong lâm nghiệp	Viện KHLN Việt Nam
					Quản lý sinh vật ngoại lai xâm lấn	
17.	Nguyễn Danh (mời)	1955	PGS.TS.	Lâm nghiệp	Quản lý dự án phát triển lâm nghiệp	Liên hiệp các hội KHKT tỉnh Gia Lai
18.	Đinh Quang Diệp (mời)	1954	Tiến sĩ	Lâm nghiệp	Cây xanh đô thị	Trường Đại học Nông Lâm TP. HCM
19.	Nguyễn Quang Tân (mời)	1971	Tiến sĩ	Nông nghiệp	Phân tích chính sách lâm nghiệp	ICRAF Việt Nam

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo tất cả các học phần diễn ra trong 3 học kỳ đầu tiên, học kỳ 4 để thực hiện luận văn tốt nghiệp. Tuy nhiên để có thời gian chuẩn bị và thực hiện tốt luận văn tốt nghiệp, học viên được đăng ký đề tài tốt nghiệp vào cuối học kỳ 2.

Học viên chỉ được bảo vệ luận văn khi có đủ các điều kiện theo Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ của trường Đại học Tây Nguyên và Quy chế đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đắk Lắk, ngày... tháng... năm 2021

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG